

Số: 871 /QĐ-BDTTG

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,
thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 – 2030 (đợt 2)**

BỘ TRƯỞNG BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

Căn cứ Nghị định số 297/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

Căn cứ Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-BDTTG ngày 29 tháng 01 năm 2026, Quyết định số 104/QĐ-BDTTG ngày 27 tháng 02 năm 2026 và Quyết định số 255/QĐ-BDTTG ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân 05 tỉnh về việc phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn sau sắp xếp thôn;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Quốc gia về dân tộc và miền núi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 - 2030 của 05 tỉnh (có danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 - 2030 ban hành kèm theo Quyết định này thay thế Danh sách tương ứng đã được công bố, sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 60/QĐ-BDTTG ngày 29 tháng 01 năm 2026, Quyết định số 104/QĐ-BDTTG ngày 27 tháng 02 năm 2026 và Quyết định số 255/QĐ-BDTTG ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo, đối với các tỉnh có Danh sách được công bố tại Quyết định này.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh có thôn quy định tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *YVT*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan làm công tác dân tộc và tôn giáo các tỉnh;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thủ trưởng,
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ;
- Công TTĐT của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Lưu: VT, VPQGDTMN (05b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Y Vinh Tor





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,
thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 - 2030
(Kèm Quyết định số 871/QĐ-BDTTG ngày 16 tháng 10 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo)

5. TỈNH AN GIANG

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
	Tổng cộng		306	283	68	125
1	Phường Châu Đốc		1	1	0	0
		1	Khóm 5	x		
2	Xã Khánh Bình		1	1	0	0
		1	Ấp Bình Di	x		
3	Xã Nhơn Hội		2	2	0	2
		1	Ấp Búng Lớn	x		x
		2	Ấp Đồng Ky	x		x
4	Xã Vĩnh Hậu		2	2	0	1
		1	Ấp Hà Bao 2	x		
		2	Ấp La Ma	x		x
5	Xã Châu Phong		2	2	0	0
		1	Ấp Phùm Soài	x		
		2	Ấp Châu Giang	x		
6	Phường Chi Lăng		6	5	4	5
		1	Khóm Tân Long	x	x	x
		2	Khóm Núi Voi		x	
		3	Khóm Tân Thuận	x	x	x
		4	Khóm Mỹ Á	x		x
		5	Khóm Tân Hiệp	x	x	x
		6	Khóm 3	x		x
7	Phường Tịnh Biên		7	3	7	7
		1	Khóm Xuân Phú	x	x	x
		2	Khóm Phú Tâm	x	x	x
		3	Khóm Phú Hiệp		x	x
		4	Khóm Phú Hòa		x	x
		5	Khóm Phú Nhứt		x	x
		6	Khóm Phú Cường		x	x
		7	Khóm Xuân Hiệp	x	x	x
8	Xã An Cư		13	13	4	13
		1	Ấp Vĩnh Thượng	x	x	x
		2	Ấp Chơn Cô	x	x	x
		3	Ấp Vân Râu	x		x
		4	Ấp Vĩnh Tây	x		x
		5	Ấp Vĩnh Lập	x		x
		6	Ấp Măng Rò	x		x
		7	Ấp Pô Thi	x		x
		8	Ấp Vĩnh Tâm	x		x
		9	Ấp Đây Cà Hom	x		x
		10	Ấp Soài Chẽk	x	x	x
		11	Ấp Bà Đen	x		x



TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		12	Ấp Vĩnh Hạ	x		x
		13	Ấp Ba Xoài	x	x	x
9	Xã Núi Cấm		5	3	5	5
		1	Ấp Vô Đầu		x	x
		2	Ấp An Lợi	x	x	x
		3	Ấp An Thạnh	x	x	x
		4	Ấp An Hòa	x	x	x
		5	Ấp Thiên Tuế		x	x
10	Xã Tri Tôn		16	16	13	11
		1	Ấp Tô Hạ	x	x	x
		2	Ấp An Lộc	x	x	x
		3	Ấp 6	x		
		4	Ấp Tô Thuận	x	x	x
		5	Ấp Bằng Rò	x	x	x
		6	Ấp An Lợi	x	x	x
		7	Ấp An Hòa	x	x	x
		8	Ấp 5	x		
		9	Ấp An Thuận	x	x	x
		10	Ấp 1	x	x	
		11	Ấp Phnôm Pi	x	x	x
		12	Ấp 4	x	x	
		13	Ấp Tô Trung	x	x	x
		14	Ấp Rò Leng	x	x	x
		15	Ấp 3	x		
		16	Ấp Tà On	x	x	x
11	Xã Ba Chúc		10	3	10	9
		1	Ấp An Định A		x	x
		2	Ấp An Thạnh		x	x
		3	Ấp An Hòa A		x	x
		4	Ấp An Bình	x	x	x
		5	Ấp An Định B		x	x
		6	Ấp Thanh Lương		x	x
		7	Ấp An Hòa B		x	
		8	Ấp Sóc Túc	x	x	x
		9	Ấp Trung An	x	x	x
		10	Ấp Núi Nước		x	x
12	Xã Ô Lâm		12	11	11	10
		1	Ấp Sà Lôn	x	x	
		2	Ấp Ô Tà Sóc		x	
		3	Ấp Phước Thọ	x	x	x
		4	Ấp Phước Long	x	x	x
		5	Ấp Ninh Hòa	x	x	x
		6	Ấp Ninh Lợi	x	x	x
		7	Ấp Phước An	x		x
		8	Ấp Tà Miệt	x	x	x
		9	Ấp Phước Bình	x	x	x
		10	Ấp Phước Lợi	x	x	x
		11	Ấp Phước Lộc	x	x	x
		12	Ấp Ninh Thuận	x	x	x
13	Xã Cô Tô		4	3	4	3
		1	Ấp Tô Lợi	x	x	x

Bai viet của Chau Long

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		2	Ấp Tô Bình		x	
		3	Ấp Sóc Triết	x	x	x
		4	Ấp Tô An	x	x	x
14	Xã An Châu	2		2	0	0
		1	Ấp Hòa Tân	x		
		2	Ấp Đông Bình Trạch	x		
15	Xã Càn Đăng	1		1	0	0
		1	Ấp Càn Thạnh	x		
16	Xã Phú Hòa	1		1	0	0
		1	Ấp Kinh Đào	x		
17	Xã Ốc Eo	8		3	8	4
		1	Ấp Sơn Hòa		x	
		2	Ấp Sơn Tân		x	x
		3	Ấp Trung Sơn	x	x	x
		4	Ấp Sơn Lập		x	x
		5	Ấp Tân Đông	x	x	x
		6	Ấp Tân Hiệp B	x	x	
		7	Ấp Tân Thành		x	
		8	Ấp Tân Hiệp A		x	
18	Phường Rạch Giá	9		9	0	0
		1	Khu phố An Bình 4	x		
		2	Khu phố Vĩnh Viễn	x		
		3	Khu phố An Bình 5	x		
		4	Khu phố Vĩnh Lợi 1	x		
		5	Khu phố Rạch Sỏi 1	x		
		6	Vĩnh Lợi 3	x		
		7	Khu phố Đồng Khởi	x		
		8	Khu phố Vĩnh Lạc 1	x		
		9	Khu phố Vĩnh Thanh Vân 2	x		
19	Phường Vĩnh Thông	6		6	0	0
		1	Khu phố Văn Tiến Dũng	x		
		2	Khu phố Trung Thành	x		
		3	Khu phố Tà Keo Ngọn	x		
		4	Khu phố Mỹ Trung	x		
		5	Khu phố Phi Thông	x		
		6	Khu phố Sóc Cung	x		
20	Phường Tô Châu	2		2	0	0
		1	Khu phố Dương Hòa	x		
		2	Khu phố Tà Săng	x		
21	Phường Hà Tiên	6		6	0	0
		1	Khu phố Bà Lý	x		
		2	Khu phố Thạch Động	x		
		3	Khu phố Xà Xía	x		
		4	Khu phố III - Pháo Đài	x		
		5	Khu phố II - Pháo Đài	x		
		6	Khu phố Mỹ Lộ	x		
22	Xã Kiên Lương	9		9	0	0
		1	Ấp Ba Hòn	x		
		2	Ấp Hòn Trẹm	x		
		3	Ấp Song Chính	x		
		4	Ấp Rẫy Mới	x		





Bài viết của Châu Long

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		5	Ấp Lung Kha Na	x		
		6	Ấp Rạch Đùng	x		
		7	Ấp Xà Ngách	x		
		8	Ấp Ba Trại	x		
		9	Ấp Ba Núi	x		
23	Xã Vĩnh Điều		3	3	0	3
		1	Ấp Đồng Cơ	x		x
		2	Ấp Tràm Trôi	x		x
		3	Ấp Vĩnh Lợi	x		x
24	Xã Giang Thành		7	7	0	4
		1	Ấp Trần Thê	x		x
		2	Ấp Cò Quen	x		x
		3	Ấp Tiên Khánh	x		
		4	Ấp Giồng Kè	x		
		5	Ấp Tà Teng	x		x
		6	Ấp Trà Phọt	x		x
		7	Ấp Tân Thạnh	x		
25	Xã Hòn Đất		10	10	0	0
		1	Ấp Bến Đá	x		
		2	Ấp Hòn Me	x		
		3	Ấp Hòn Sóc	x		
		4	Ấp Linh Huỳnh	x		
		5	Ấp Sơn Bình	x		
		6	Ấp Hòn Quéo	x		
		7	Ấp Hòn Đất	x		
		8	Ấp Vàm Biền	x		
		9	Ấp Vạn Thanh	x		
		10	Ấp Huỳnh Sơn	x		
26	Xã Bình Sơn		1	1	0	0
		1	Ấp Vàm Rầy	x		
27	Xã Bình Giang		2	2	0	2
		1	Ấp Ranh Hạt	x		x
		2	Ấp Giồng Kè	x		x
28	Xã Sơn Kiên		7	7	0	7
		1	Ấp Thái Tân	x		x
		2	Ấp Vàm Răng	x		x
		3	Ấp Tà Lóc	x		x
		4	Ấp Mương Kinh A	x		x
		5	Ấp Vàm Biền	x		x
		6	Ấp Kinh Mới	x		x
		7	Ấp Kiên Bình	x		x
29	Xã Mỹ Thuận		4	4	0	0
		1	Ấp Hiệp Tân	x		
		2	Ấp Thành Công	x		
		3	Ấp Sơn Thịnh	x		
		4	Ấp Sơn Tiến	x		
30	Xã Mỹ Đức		1	1	0	0
		1	Ấp Khánh Mỹ	x		
31	Xã Thạnh Đông		3	3	0	0
		1	Ấp Tàu Hơi B	x		
		2	Ấp Thạnh Trị	x		



TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		3	Ấp Thạnh Trúc	x		
32	Xã Châu Thành		9	9	0	3
		1	Ấp Minh Hưng	x		x
		2	Ấp Tân Hưng	x		x
		3	Ấp Minh Long	x		
		4	Ấp Hòa Thạnh	x		
		5	Ấp Minh Tân	x		
		6	Ấp Minh Phú	x		x
		7	Ấp An Bình	x		
		8	Ấp Bình Lợi	x		
		9	Ấp Minh An	x		
33	Xã Thạnh Lộc		5	5	0	0
		1	Ấp Phước Chung	x		
		2	Ấp Thạnh Bình	x		
		3	Ấp Thạnh Yên	x		
		4	Ấp Phước Lợi	x		
		5	Ấp Thạnh Hưng	x		
34	Xã Bình An		9	9		1
		1	Ấp Xà Xiêm	x		x
		2	Ấp Súa Đũa	x		
		3	Ấp Hòa Thuận	x		
		4	Ấp Vĩnh Hòa	x		
		5	Ấp Vĩnh Phú	x		
		6	Ấp Vĩnh Đăng	x		
		7	Ấp An Ninh	x		
		8	Ấp An Thới	x		
		9	Ấp Minh Phong	x		
35	Xã Giồng Riềng		13	13	0	5
		1	Ấp Tà Yêm	x		x
		2	Ấp Xèo Cui	x		
		3	Ấp Nguyễn Văn Rỗ	x		
		4	Ấp Cây Quéo	x		
		5	Ấp Thạnh Hòa	x		
		6	Ấp Cây Trôm	x		x
		7	Ấp Nguyễn Tấn Thêm	x		x
		8	Ấp Trần Tác Chiến	x		
		9	Ấp Vĩnh Hòa	x		
		10	Ấp Giồng Đá	x		x
		11	Ấp Trần Văn Nghĩa	x		
		12	Ấp Sờ Tại	x		
		13	Ấp Tràm Chet	x		x
36	Xã Thạnh Hưng		2	2	0	2
		1	Ấp Thạnh An	x		x
		2	Ấp Thạnh Ngọc	x		x
37	Xã Ngọc Chúc		4	4	0	3
		1	Ấp Ngọc Bình	x		x
		2	Ấp Ngọc Tân	x		x
		3	Ấp Ngọc Lợi	x		
		4	Ấp Sáu Trường	x		x
38	Xã Long Thạnh		12	12	0	12
		1	Ấp Vĩnh Lợi	x		x

Bai viet của Chau Long

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		2	Ấp Nguyễn Hương	x		x
		3	Ấp Danh Thợi	x		x
		4	Ấp Vinh Phước	x		x
		5	Ấp Xẻo Chác	x		x
		6	Ấp Bến Nhứt	x		x
		7	Ấp Cò Khía	x		x
		8	Ấp Lương Trục	x		x
		9	Ấp Vinh Thành	x		x
		10	Ấp Đường Xuông	x		x
		11	Ấp Năm Hải	x		x
		12	Ấp Đường Gõ Lộ	x		x
39	Xã Hòa Thuận		4	4	0	0
		1	Ấp Hòa An B	x		
		2	Ấp Hai Lành	x		
		3	Ấp Hai Tỷ	x		
		4	Ấp Hòa Phú	x		
40	Xã Gò Quao		15	15	0	6
		1	Ấp An Bình	x		
		2	Ấp An Trung	x		
		3	Ấp An Phước	x		x
		4	Ấp An Hiệp	x		x
		5	Ấp Phước Hưng	x		
		6	Ấp Phước Thành	x		
		7	Ấp Phước Đạt	x		x
		8	Ấp Phước Trung	x		
		9	Ấp An Thuận	x		
		10	Ấp Phước Thọ	x		
		11	Ấp An Phong	x		
		12	Ấp An Phú	x		x
		13	Ấp Phước Lập	x		x
		14	Ấp Phước Thới	x		
		15	Ấp An Lợi	x		x
41	Xã Định Hòa		18	18	0	3
		1	Ấp Hòa Tạo	x		
		2	Ấp Hiệp An	x		x
		3	Ấp Hòa Thành	x		
		4	Ấp Khương Bình	x		x
		5	Ấp Châu Thành	x		
		6	Ấp Hòa Lễ	x		
		7	Ấp Hòa Hiếu 1	x		
		8	Ấp Thạnh Hòa	x		
		9	Ấp Hòa Út	x		
		10	Ấp Hòa Hiếu 2	x		
		11	Ấp Hòa Hớn	x		
		12	Ấp Xuân Bình	x		
		13	Ấp Thới Đông	x		
		14	Ấp Hòa Thạnh	x		
		15	Ấp Thu Đông	x		
		16	Ấp Hòa Thanh	x		
		17	Ấp Hòa Mỹ	x		

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		18	Ấp Hòa Bình	x		
42	Xã Vĩnh Hòa Hưng		5	5	0	0
		1	Ấp Lục Phi	x		
		2	Ấp Vĩnh Trung	x		
		3	Ấp Vĩnh Yên	x		
		4	Ấp Vĩnh Hiệp	x		
		5	Ấp Tạ Quang Tỷ	x		
43	Xã Vĩnh Tuy		2	2	0	0
		1	Ấp Vĩnh Tân	x		
		2	Ấp Vĩnh Hùng	x		
44	Xã An Biên		8	8	0	0
		1	Ấp Tây Sơn	x		
		2	Ấp Xèo Đước	x		
		3	Ấp Đông Yên	x		
		4	Ấp Thứ Hai	x		
		5	Ấp Xèo Kê	x		
		6	Ấp Thứ Ba	x		
		7	Ấp Cái Nước	x		
		8	Ấp 1	x		
45	Xã Tây Yên		1	1	0	0
		1	Ấp Bảo Trâm	x		
46	Xã Đông Thái		4	4	0	0
		1	Ấp Kinh 1	x		
		2	Ấp Bảo Láng	x		
		3	Ấp 5 Chùa	x		
		4	Ấp Kinh Làng	x		
47	Xã Vĩnh Hòa		4	4	0	0
		1	Ấp Bờ Dừa	x		
		2	Ấp Cạn Vàm	x		
		3	Ấp Vĩnh Trung	x		
		4	Ấp Xèo Kê	x		
48	Xã Đông Hòa		2	2	0	0
		1	Ấp 8 Xáng	x		
		2	Ấp Thanh An	x		
49	Xã U Minh Thượng		8	8	0	4
		1	Ấp Minh Cường	x		
		2	Ấp An Thanh	x		
		3	Ấp Minh Tiến A	x		
		4	Ấp Minh Kiên A	x		x
		5	Ấp Kinh Năm	x		
		6	Ấp Minh Thành	x		x
		7	Ấp Minh Dũng A	x		x
		8	Ấp Minh Tân	x		x
50	Xã Vĩnh Phong		4	4	0	0
		1	Ấp Vĩnh Phước	x		
		2	Ấp Cái Nhum	x		
		3	Ấp Vĩnh Thạnh	x		
		4	Ấp Vĩnh Tây	x		
51	Xã Vĩnh Bình		7	7	0	0
		1	Ấp Hòa Thạnh	x		
		2	Ấp Bình An	x		



TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		3	Ấp Xẻo Gia	x		
		4	Ấp Đồng Tranh	x		
		5	Ấp Hòa Thành	x		
		6	Ấp Bời Lời B	x		
		7	Ấp Bình Hòa	x		
52	Xã Vĩnh Thuận		1	1	0	0
		1	Ấp Kênh 2	x		
53	Xã Hòa Điền		2	2	0	0
		1	Ấp Lung Lớn	x		
		2	Ấp Núi Trầu	x		
54	Xã Vĩnh Hạnh		1	1	0	0
		1	Ấp Vĩnh Hòa	x		
55	Phường Thới Sơn		3	1	2	0
		1	Khóm Trà Sư		x	
		2	Khóm Tây Hưng	x		
		3	Khóm Núi Két		x	

